

## THƯ MỤC

### TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 255 THÁNG 9 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 255 tháng 9 năm 2018.

**1. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và khả năng tác động đến công nghiệp, thương mại Việt Nam/ Nguyễn Thị Xuân Thuý// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 2 – 10**

**Tóm tắt:** Quan hệ thương mại Mỹ - Trung trở nên căng thẳng từ khi Mỹ quyết định lập ra hàng rào thuế quan 25% đối với hàng hóa xuất xứ Trung Quốc. Để xem xét tác động của cuộc chiến đến ngành công thương Việt Nam, bài viết này rà soát các danh mục hàng hóa phải chịu thuế 25% của mỗi nước và đối chiếu với cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy, trong ngắn hạn, ngành công thương Việt Nam sẽ không chịu tác động trực tiếp từ hàng rào thuế quan, nhưng trong trung và dài hạn, xu hướng dịch chuyển đầu tư China+ của các nhà đầu tư nước ngoài và sự thay đổi giá trị của đồng tiền mỗi nước sẽ có cả tác động tích cực và tiêu cực đến công nghiệp và thương mại Việt Nam. Trong bối cảnh này, những gì Việt Nam cần làm là thuận lợi hóa thương mại, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất trong nước, và theo dõi sát sao diễn biến của cuộc chiến để có giải pháp ứng phó kịp thời.

**Từ khóa:** Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; Công thương Việt Nam; Cán cân thương mại

**2. Sự phá vỡ cấu trúc và tính ổn định của hàm cầu tiền Việt Nam/ Phạm Đình Long, Bùi Quang Hiến// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 11 – 21**

**Tóm tắt:** Sau một thập kỷ kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đã dần điều chỉnh các yếu tố vĩ mô vào quỹ đạo ổn định. Bài viết nghiên cứu sự phá vỡ cấu trúc và tính ổn định của hàm cầu tiền ở Việt Nam giai đoạn từ tháng 12 năm 2003 đến tháng 11 năm 2017. Bằng các mô hình phân phối trễ tự hồi quy, vector tự quy, và đồng liên kết hiệu chỉnh toàn phần bình phương nhỏ nhất, kết quả cho thấy sự không ổn định của hàm cầu tiền khi xét cho toàn mẫu nghiên cứu. Với cầu tiền hẹp (M1), sự ổn định của hàm cầu tiền trước và sau khủng hoảng được xác nhận tồn tại không chỉ thông qua kiểm định tổng tích lũy của phần dư (Cumulative Sum of Recursive Residuals - CUSUM) và CUSUM bình phương mà còn vượt qua các bài kiểm tra khác như Lc, MeanF, SupF, Eigenvalue fluctuation, và Nyblom. Sự phá vỡ cấu trúc từ cuộc khủng hoảng 2008 chưa thể kết luận có ảnh hưởng đến cầu tiền rộng (M2).

**Từ khóa:** Cầu tiền; Tính ổn định; Sự biến đổi cấu trúc; Chính sách tiền tệ

**3. Ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đối với giá cổ phiếu trong khủng hoảng tài chính toàn cầu/ Đặng Tùng Lâm// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 22 – 31**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đến thay đổi giá cổ phiếu trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Sử dụng dữ liệu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán của 41 quốc gia, kết quả cho thấy cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài cao trong giai đoạn trước khủng hoảng đã trải qua suy giảm giá mạnh trong thời kỳ khủng hoảng, và ảnh hưởng là lớn hơn trên các cổ phiếu có rủi ro thanh khoản lớn. Kết quả này phù hợp với lập luận của các nghiên cứu lý thuyết rằng sở hữu nước ngoài có thể góp phần gia tăng bất ổn của thị trường trong giai đoạn khủng hoảng.

**Từ khóa:** Sở hữu nước ngoài; Khủng hoảng tài chính; Tỷ suất lợi tức tích lũy của cổ phiếu

**4. Đo lường khả năng kiệt quệ tài chính tại các công ty cổ phần ngành công nghiệp ở Việt Nam/ Phạm Thị Hồng Vân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 32 – 41**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu sử dụng mô hình Logit để đo lường khả năng xảy ra kiệt quệ tài chính của các công ty cổ phần ngành công nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán của Việt Nam qua bộ dữ liệu bảng với 189 doanh nghiệp trong 8 năm (2009 – 2016). Nghiên cứu đã xác định được các nhân tố thuộc nội tại doanh nghiệp như tỷ lệ nắm giữ tiền mặt, tỷ số nợ, quy mô doanh nghiệp, hiệu suất sử dụng tài sản, tỷ lệ lợi nhuận để lại có tác động đến kiệt quệ tài chính doanh nghiệp; trong khi các nhân tố thuộc về vĩ mô và môi trường không có tác động đến kiệt quệ tài chính. Đồng thời nghiên cứu đề xuất mô hình dự báo kiệt quệ tài chính với tỷ lệ dự đoán đúng theo tổng thể là 93,12%.

**Từ khóa:** Dự báo kiệt quệ tài chính; Doanh nghiệp ngành công nghiệp; Kiệt quệ tài chính

**5. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới thanh khoản ngân hàng từ góc độ sở hữu và niêm yết/ Nguyễn Thị Quỳnh Loan, Phạm Đức Anh, Trần Thị Thúy An// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 42 – 51**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này khảo sát các nhân tố tác động tới thanh khoản của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2008-2015 gắn với giác độ sở hữu và niêm yết. Kết quả thực nghiệm cho thấy: (i) sở hữu nước ngoài tác động tích cực tới thanh khoản ngân hàng, trong khi tác động của tình trạng niêm yết theo chiều hướng ngược lại; (ii) tỷ suất sinh lời, tỷ lệ nợ xấu và tăng trưởng kinh tế làm suy giảm thanh khoản của ngân hàng nước ngoài, trong khi quy mô hoạt động có quan hệ phi tuyến đối với thanh khoản; (iii) với nhóm ngân hàng nhà nước, biên lãi ròng tác động tích cực tới thanh khoản, trong khi an toàn vốn, tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu và độ sâu tài chính có tác động tiêu cực;

(iv) với ngân hàng niêm yết, nghiên cứu tìm thấy ảnh hưởng bất lợi của nợ xấu và tác động phi tuyến dạng chữ U ngược của quy mô hoạt động tới mức thanh khoản.

**Từ khóa:** Thanh khoản ngân hàng; Sở hữu; Niêm yết; SGMM

**6. Thay đổi cổ tức và lợi nhuận tương lai: Nghiên cứu tại thị trường chứng khoán Việt Nam/** Trương Thị Thu Hương, Lê Thị Hương Lan// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 52 – 60

**Tóm tắt:** Bài viết kiểm định mối quan hệ giữa thay đổi cổ tức và lợi nhuận tương lai của doanh nghiệp nhưng có kiểm soát đến hoạt động mua lại cổ phiếu trên thị trường. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất (OLS) và mô hình tác động cố định (FEM) dựa trên dữ liệu của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2008 đến năm 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy tăng (giảm) cổ tức của các doanh nghiệp không có hoạt động mua lại cổ phiếu trên thị trường là một thông tin tích cực (tiêu cực) về lợi nhuận năm tiếp theo. Tuy nhiên, các doanh nghiệp giảm cổ tức thì khả năng lợi nhuận sẽ tăng trở lại 2 năm sau. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị cho nhà đầu tư khi doanh nghiệp thay đổi cổ tức.

**Từ khóa:** Cổ tức; Lợi nhuận; Mua lại cổ phiếu; Lý thuyết tín hiệu

**7. Vai trò của hoạt động cải tiến đến khả năng tồn tại của SME tại Việt Nam/** Vũ Văn Hương, Trần Quang Tuyền, Bùi Xuân Biên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 61 – 69

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu này xem xét lần đầu tiên vai trò của hoạt động cải tiến đến khả năng tồn tại của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam. Sử dụng bộ số liệu mảng trong giai đoạn 2009-2015, nghiên cứu chỉ ra rằng hoạt động cải tiến và đổi mới có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tồn tại của doanh nghiệp. Một phát hiện quan trọng từ nghiên cứu của chúng tôi là bản chất của các khả năng sáng tạo và sự phối hợp có nguồn gốc trong việc phát triển cả khả năng đổi mới sản phẩm hiện có và đổi mới quy trình, đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì khả năng tồn tại của doanh nghiệp. Tuy thế, chúng tôi thấy rằng đổi mới sản phẩm không có tác động đến giảm nguy cơ đóng cửa các hoạt động của SME ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cải tiến; Khả năng tồn tại; SMEs; Việt Nam

**8. Những tồn tại chủ yếu của các trường đại học Việt Nam nhìn từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục/** Nguyễn Quang Đông// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 70 – 80

**Tóm tắt:** Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ hệ thống “Nhà nước kiểm soát” sang hệ thống “Nhà nước giám sát”. Cùng với quá trình này, các trường đại học từng bước trở thành các trường đại học tự chủ. Tự chủ của các trường

đại học gắn chặt với trách nhiệm giải trình. Cách thức, phương pháp thực hiện trách nhiệm giải trình là đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục. Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018, cả nước có 117 trường đại học và học viện được kiểm chất lượng giáo dục. Bài viết này nhằm: (1) Khái quát lại kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; (2) Đưa ra 3 nhược điểm chung nhất của các trường đại học; (3) Đưa ra những tồn tại và nguyên nhân ở 19 tiêu chí có từ 20% - 78% các trường đại học chưa đạt ở các tiêu chí này; (4) Đề xuất một số kiến nghị về công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các bên có liên quan.

**Từ khóa:** Đánh giá ngoài; Kiểm định chất lượng giáo dục; Tiêu chuẩn; Tiêu chí; Chương trình đào tạo

**9. Thực hành quản lý trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ tại Thành phố Cần Thơ/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Trịnh Công Đức// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 81 – 92**

**Tóm tắt:** Bài viết sử dụng phương pháp định lượng, do Bloom & Van Reenen (2007) phát triển, để nghiên cứu thực hành quản lý trong doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ tại Thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy doanh nghiệp có điểm thực hành quản lý trung bình rất thấp trong hoạt động giám sát, thiết lập mục tiêu và khuyến khích nhân lực. Kết quả cũng tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa thực hành quản lý và năng suất của doanh nghiệp và thực hành quản lý của doanh nghiệp phụ thuộc vào yếu tố cạnh tranh, sự phân quyền, nguồn vốn nhân lực và quy mô lao động.

**Từ khóa:** Cần Thơ; Doanh nghiệp; Thực hành quản lý; Thương mại; Dịch vụ

**10. Một số vấn đề trong chuỗi cung ứng rau an toàn ở đô thị Việt Nam – Kết quả từ phân tích chuỗi giá trị rau tại Đà Nẵng/ Lê Thị Minh Hằng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 255 tháng 9/2018 .- Tr. 93 – 102**

**Tóm tắt:** Thực phẩm an toàn là nỗi lo thường trực của mọi người dân Việt Nam. Những năm qua, Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng rau an toàn, nhưng kết quả còn khiêm tốn. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng kỹ thuật phân tích chuỗi giá trị do Tổ chức Phát triển Quốc tế của Anh (DFID) công bố năm 2008 (Making Markets Work Better for the Poor - M4P & DFID, 2008), để phân tích định tính và định lượng chuỗi cung ứng rau tại Đà Nẵng. Nghiên cứu đã mô tả được trạng thái chuỗi cung ứng rau ở Đà Nẵng; nhận diện và mô tả vai trò của các chủ thể trong chuỗi; nhận diện được thế yếu của nông hộ và vai trò quan trọng của hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp trong chuỗi rau an toàn; phân tích định lượng giá trị mà chuỗi cung ứng rau đem lại cho mỗi mắt xích và nhận diện được vấn đề cơ bản ngăn cản sự phát triển của chuỗi cung ứng

rau an toàn, đó chính là giá trị mà các chủ thể nhận được trong chuỗi rau an toàn thấp hơn so với chuỗi rau thông thường.

**Từ khóa:** Đà Nẵng; Chuỗi cung ứng; Chuỗi giá trị; Phân tích chuỗi giá trị; Chuỗi giá trị rau an toàn; Việt Nam

**Trung tâm Thông tin Thư viện**